

QUẢN TRỊ MẠNG

BÀI THỰC HÀNH 4 -5

Nội dung bài thực hành

1. Chuẩn bị môi trường
2. Tạo domain users
3. Tạo các DNS record
4. Thiết lập các FTP Sites
5. Thiết lập GPO
6. Thiết lập các Web Sites
7. Thiết lập DHCP server
8. Báo cáo kết quả

1. Chuẩn bị môi trường

- Windows 2008/2012/2016 Server, Domain Controller
 - Tạo thêm một đĩa cứng (volume D:)
 - Đổi tên máy: Sxx, với xx là số thứ tự máy
 - Có 2 card mạng:
 - NIC1: dùng VMNet1, IP tĩnh 192.168.xx.1 /24,
 - NIC2: dùng VMNet8, IP tĩnh 10.0.xx.1/8
 - Cài đặt Active Directory:
 - Tên Domain: TESTxx.COM

Chuẩn bị môi trường (tt)

- Windows XP/Windows 7 – Máy 1
 - Dùng VMNet1, IP tĩnh 192.168.xx.2 /24
 - Đổi tên máy Wxx
 - Kết nối máy Wxx vào domain TESTxx

Chuẩn bị môi trường (tt)

- Windows XP/Windows 7 – máy 2
 - Dùng VMNet1, IP tĩnh 10.0.xx.2 /8
 - Đổi tên máy Mxx
 - Kết nối máy Mxx vào domain TESTxx

2. Tạo domain users

Tạo các OUs, Groups, Users theo các yêu cầu (trang tiếp theo):

- OU1
 - x1, x2
 - Group1 có x1, x2 là thành viên
- OU2
 - k1, k2
 - User k2 chỉ đăng nhập từ máy Mxx trong khoảng thời gian từ 8g – 12g

Tạo domain users, domain groups (tt)

Yêu cầu:

- Các User accounts có password '1'
- k1, k2 có Home folder trên server
- x1, x2 dùng roaming profile

Lần lượt kết nối vào Sxx từ Wxx và Mxx để
kiểm tra kết quả

3. Tạo DNS records

Tạo các DNS records:

- [FTP1.TESTxx.COM](#): dùng NIC1
- [FTP2.TESTxx.COM](#): dùng NIC2
- [FTP3.TESTxx.COM](#): dùng NIC1
- [FTP4.TESTxx.COM](#): dùng NIC2
- [WEB1.TESTxx.COM](#): dùng NIC1
- [WEB2.TESTxx.COM](#): dùng NIC2
- [WWW.TESTxx.COM](#): dùng NIC1

4. Thiết lập các GPO

Thiết lập GPO cho OU1:

- Bỏ menu File, Folder Option trong Windows Explorer. Ẩn các tab Privacy, Advance trên IE (Tool->Internet Option).

Thiết lập GPO cho OU2:

- Các user không được dùng winmine.exe
- Triển khai phần mềm CalPlus dạng Publish cho các user OU2

5. Thiết lập các FTP Sites

Thiết lập các FTP Sites:

- FTP Site 1:
 - Tên FTP1.TESTxx.COM , port 21
 - Dạng Do not isolate users
- FTP Site 2:
 - Tên FTP2.TESTxx.COM , port 5000
 - Dạng Do not isolate users
 - Chỉ các thành viên Group1 truy xuất được

Thiết lập các FTP Sites (tt)

- FTP Site 3:
 - Tên FTP3.TESTxx.COM , port 2121
 - Dạng Do not isolate users
- FTP Site 4:
 - Tên FTP4.TESTxx.COM , port 21
 - Dạng Isolate users

Kiểm tra kết quả thiết lập FTP Sites

Lần lượt kết nối vào Sxx từ Wxx và Mxx để
kiểm tra kết quả

6. Thiết lập các Web Sites

Thiết lập các Web Sites:

- Web Site 1:
 - Tên WEB1.TESTxx.COM , port 80
- Web Site 2:
 - Tên WEB2.TESTxx.COM , port 8080
- Web Site 3:
 - Tên WWW. TESTxx.COM , port 80
 - Dùng host header name

7. Thiết lập DHCP server

Thiết lập ScopeA, ScopeB::

- ScopeA: 192.168.xx.5 – 192.168.xx.150
 - Default Gateway: 192.168.xx.1
 - DNS: 192.168.xx.1
- ScopeB: 10.0.xx.50 – 10.0.xx.200
 - Default Gateway: 10.0.xx.1
 - DNS: 10.0.xx.1

8. Báo cáo kết quả

Tạo file báo cáo kết quả đã thực hiện

- Tên file: MaSV_Hoten.docx (Họ tên không dấu)
- Nội dung:
 - Địa chỉ IP của Sxx, Mxx, Wxx
 - Liệt kê các computer, OU trong domain
 - Liệt kê các group, user đã tạo mới trong domain
 - Liệt kê đường dẫn home folder, profile của k1, k2
 - Kết quả x1,x2 dùng roaming profile
 - Kết quả thiết lập GPO ở server và client
 - Liệt kê các record trong TESTxx.COM trên DNS server
 - Kết quả thiết lập Web, FTP ở server và ở client
 - Kết quả thiết lập DHCP ở server và client